

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế - Năm học 2020- 2021

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	552	117	97	126	109	103
II	Số học sinh học 2 buổi	552	117	97	126	109	103
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	552	117	97	126	109	103
	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	285 52%	73 64%	52 54%	59 47%	52 48%	48 4.7%
	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	264 53%	41 40%	78 45%	56 53%	57 52%	53 53%
	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	3 1%	3 5%				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	552	117	97	126	109	103
1	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	285 52%	73 64%	52 54%	59 47%	52 48%	48 4.7%
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	264 77%	41 33%	45 46%	67 53%	57 52%	55 53%
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	3 1%	3 3%	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	552	117	97	126	109	103
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	549 99%	114 97%	97 100%	126 100%	109 100%	103 100%
a	Trong đó HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	285 52%	73 64%	52 54%	59 47%	52 48%	48 4.7%
b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	3 0.5%	3 4%				

Uông Bí, ngày 25 tháng 9 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Huệ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế - Năm học 2019- 2020

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	543	103	129	110	103	98
II	Số học sinh học 2 buổi	543	48	54	43	28	41
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	243 45%	49 48%	51 40%	54 49%	43 42%	46 47%
	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	294 54%	48 47%	78 60%	56 51%	60 58%	52 53%
	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	6 1%	6 5%				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	173 32%	26 22%	44 34%	40 36%	33 32%	30 31%
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	364 77%	77 73%	85 66%	70 64%	70 68%	68 69%
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	6 1%	6 5%	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	549 99%	99 96%	129 100%	110 100%	103 100%	98 100%
a	Trong đó HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	273 50%	60 58%	58 45%	52 47%	54 42%	49 50%
b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	4 1%	4 4%				

Uông Bí, ngày 15 tháng 9 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Huệ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế học kỳ 1 - Năm học 2018- 2019

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	215	49	54	43	28	41
II	Số học sinh học 2 buổi	215	49	54	43	28	41
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	63 29,3%	22 40,8%	12 22,2%	15 34,9%	7 25%	9 22%
	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	146 67,9%	25 55,1 %	38 70,4 %	28 65,1%	21 75%	32 78%
	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	6 2,8%	2 4,1%	4 7,4%	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	63 29,3%	20 40,8%	12 22,2%	15 34,9%	7 25%	9 22%
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	139 64,7%	25 51%	36 66,6%	27 62,8%	20 71,4 %	31 75,6%
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	13 6,0%	4 8,2%	6 11,2%	1 2,3%	1 3,6%	1 2,4%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)						
a	Trong đó HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)						

Uông Bí, ngày 25 tháng 1 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM

HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế học kỳ 1 - Năm học 2018- 2019

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	214	49	54	43	28	41
II	Số học sinh học 2 buổi	214	49	54	43	28	41
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Tốt (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		22	22	16	18	23
	Đạt (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		27	32		10	18
	Cần cố gắng (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		0				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		17	12	13	9	13
2	Hoàn thành (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		29	41	30	18	28
3	Chưa hoàn thành (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		3	1		1	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		46	53	43	27	41
a	Trong đó HS được khen thưởng cấp trường (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		46	21	22	16	23
b	HS được cấp trên khen thưởng (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)				1		2
2	Ở lại lớp (<i>Tỷ lệ so với tổng số</i>)		3	1	0	1	0